

CÔNG TY TNHH BÁCH HẠNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BÁCH HẠNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BACH HANH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY BÁCH HẠNH

2. Mã số doanh nghiệp: 0110817813

3. Ngày thành lập: 20/08/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 10, Ngõ 366, Đường Mỹ Đình, Tổ 13, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966131180

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620(Chính)
2.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
3.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
4.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
5.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên	8560
6.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
7.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
8.	Đào tạo trung cấp	8532
9.	Đào tạo sơ cấp	8531
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
12.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
13.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
14.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
15.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
16.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
17.	Điều hành tua du lịch	7912
18.	Đại lý du lịch	7911

19.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cho thuê lại lao động (Nghị định 29/2019/NĐ-CP)	7830
20.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Loại trừ hoạt động của trung tâm tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm)	7810
21.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
22.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
23.	Cho thuê xe có động cơ	7710
24.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
25.	Hoạt động nhiếp ảnh (Loại trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
26.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
27.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
28.	Quảng cáo (Loại trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
29.	Hoạt động tư vấn quản lý (Loại trừ hoạt động Tư vấn và đại diện pháp lý, hoạt động vận động hành lang, hoạt động kế toán, kiểm toán)	7020
30.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 62 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014); Sàn giao dịch bất động sản (Điều 69 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014); Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014); Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 75 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014);	6820
31.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 4 Nghị định 02/2022/NĐ-CP)	6810
32.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư.	6619
33.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
34.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

35.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
36.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
37.	Lập trình máy vi tính	6201
38.	Hoạt động viễn thông khác	6190
39.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Hoạt động ghi âm	5920
40.	Hoạt động chiếu phim	5914
41.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
42.	Hoạt động hậu kỳ	5912
43.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (Trừ hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)	5911
44.	Xuất bản phần mềm (Loại trừ xuất bản phẩm)	5820
45.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
46.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
47.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5621
48.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
49.	Cơ sở lưu trú khác	5590
50.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không)	5229
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
53.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
54.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

55.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải bằng ô tô; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch bằng ô tô; (Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định 10/2020/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô ban hành ngày 17/01/2020)	4932
56.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
57.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
58.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
59.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu và hàng hóa bị cấm khác)	4773
60.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
61.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
62.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
63.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
64.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
65.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
66.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
67.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
68.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
69.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
70.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
71.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
72.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
73.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
74.	Bán buôn tổng hợp	4690
75.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

76.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
77.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
78.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
79.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
80.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
81.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
82.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
83.	Bán buôn đồ uống	4633
84.	Bán buôn thực phẩm	4632
85.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
86.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
87.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
88.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ Hoạt động đấu giá ô tô và xe có động cơ khác)	4513
89.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
90.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
91.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
92.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
93.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
94.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
95.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
96.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
97.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010

6. Vốn điều lệ: 668.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ THỊ HẠNH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 13/11/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038180000783

Ngày cấp: 10/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 10, Ngõ 366, Đường Mỹ Đình, Tổ 13, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 10, Ngõ 366, Đường Mỹ Đình, Tổ 13, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ HẠNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/11/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038180000783

Ngày cấp: 10/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 10, Ngõ 366, Đường Mỹ Đình, Tổ 13, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 10, Ngõ 366, Đường Mỹ Đình, Tổ 13, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội